

ỨNG DỤNG PHÉP HỒI CHIẾU VÀO VIỆC PHÁT TRIỂN CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP BẰNG TIẾNG PHÁP

TRƯƠNG HOÀNG LÊ

Phòng Khoa học, Công nghệ & HTQT, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Email: mthle70@gmail.com

Tóm tắt: Đồng quy chiếu (coréférence) là hành vi ngôn ngữ phổ biến và không thể thiếu trong quá trình xây dựng một văn bản có tính liên kết ở bất kỳ ngôn ngữ nào. Hồi chiếu (anaphore) là một phương thức đặc trưng của hành vi này. Bài viết giới thiệu sơ lược đặc điểm các loại hồi chiếu trong tiếng Pháp và các chức năng văn bản của nó thông qua các ví dụ cụ thể và khảo sát phân tích hồi chỉ trong một văn bản báo chí. Bài viết nhấn mạnh khả năng ứng dụng kiến thức về hồi chiếu trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ. Ngoài ra, phần cuối bài viết trình bày kết quả thăm dò nhận thức và nhu cầu học phép hồi chiếu của sinh viên Khoa tiếng Pháp của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế.

Từ khóa: phép hồi chiếu, liên kết văn bản, phát triển chủ đề, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ học văn bản hay phân tích diễn ngôn hiện nay tuy không còn mới trên thế giới và ở Việt Nam nhưng nó là một chuyên ngành ngôn ngữ học thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu - giảng viên ngôn ngữ nói chung, đặc biệt giảng viên ngoại ngữ. Văn bản/điển ngôn là đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản. Văn bản là chỉnh thể thống nhất về các mặt cấu trúc nội dung, hình thức ngôn ngữ, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Về mặt nội dung, ngữ nghĩa, văn bản chịu sự giằng co (tension) giữa hai động lực trái chiều: động lực tiến (dynamique de progression) và động lực lùi (dynamique de retour). Động lực tiến giúp phát triển nội dung thông tin theo một mục đích nhất định. Động lực lùi giúp bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục về nội dung thông tin giữa các phát ngôn/câu của văn bản. Liên kết văn bản (cohésion textuelle) là điều kiện, công cụ cho vận động lùi của văn bản. Vì vậy, người ta nhận thấy hiện tượng đồng quy chiếu (coréférence) nói chung và hồi chiếu (anaphore) nói riêng luôn xuất hiện trong quá trình xây dựng văn bản trong bất kỳ ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, cách phân loại chức năng và hình thức phép hồi chiếu có những đặc trưng riêng biệt ở mỗi ngôn ngữ. Ở Pháp, nghiên cứu phép hồi chiếu bắt đầu phát triển mạnh vào những năm 70, 80 của thế kỷ XX với công trình nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ tiêu biểu trong lãnh vực ngôn ngữ học như Adam (1976) [1], Combettes (1988) [3], Cortes (1985) [4], Charolles (1978) [2]. Kể từ những năm 90 với sự phát triển mạnh của ngôn ngữ học văn bản (linguistique textuelle) hay còn được gọi là phân tích diễn ngôn (analyse du discours), nhiều nhà nghiên cứu tập trung ứng dụng phép hồi chiếu vào việc phân tích các tác phẩm văn học và bước đầu có

những ứng dụng cho việc giảng dạy tiếng Pháp như Moirand (1990) [8], Jeandillou (1997) [5], Maingueneau (1998) [7]. Bài viết này giới thiệu sơ lược những đặc trưng các loại hồi chiếu trong tiếng Pháp. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn trình bày khả năng ứng dụng những hiểu biết về các phương thức hồi chiếu trong việc nâng cao các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp.

2. ĐẶC ĐIỂM PHÉP HỒI CHIẾU TIẾNG PHÁP

2.1. Một số khái niệm liên quan hồi chiếu

Quy chiếu là hiện tượng ngôn ngữ trong đó biểu thức ngôn ngữ (signifiant) trong một văn bản cụ thể chỉ định một sự việc, sự vật cụ thể (réfèrent, thuật ngữ tiếng Việt là sở chỉ) trong hoặc ngoài văn cảnh (univers discursif hay cotexte). Quy chiếu có 2 loại: quy chiếu ngoại hướng (exophore) và quy chiếu nội hướng (endophore). Quy chiếu ngoại hướng là hình thức quy chiếu trong đó sở chỉ (réfèrent) nằm ngoài văn cảnh. Quy chiếu nội hướng là hình thức quy chiếu trong đó sở chỉ nằm trong văn cảnh.

Đồng quy chiếu là hiện tượng ngôn ngữ trong đó nhiều biểu thức ngôn ngữ cùng biểu thị một sở chỉ (réfèrent). Trong đồng quy chiếu nội hướng, chúng ta nhận thấy có hai loại đồng quy chiếu đối lập: hồi chiếu (anaphore) và khứ chiếu (cataphore). Phép hồi chiếu là hiện tượng đồng quy chiếu trong đó biểu thức ngôn ngữ xuất hiện sau, được gọi là **hồi chỉ** hay **lập tổ** (terme anaphorissant hay élément anaphorissant) nhắc lại, đề cập đến một sở chỉ đã được biểu thị bởi một biểu thức ngôn ngữ xuất hiện trước nó được gọi là **yếu tố được hồi chiếu** (antécédent hay terme anaphorisé). Phép khứ chiếu là hiện tượng đồng quy chiếu theo chiều ngược lại với phép hồi chiếu trong đó biểu thức ngôn ngữ xuất hiện trước được gọi là **khứ chỉ** (antécédent hay terme cataphorissant) không xác định rõ sở chỉ, dự báo sẽ xuất hiện một biểu thức ngôn ngữ khác để xác định một cách rõ ràng, cụ thể hơn sở chỉ của khứ chỉ, được gọi là **yếu tố được khứ chiếu** (terme cataphorisé). Trong tiếng Pháp, phép hồi chiếu xuất hiện với tần số cao hơn nhiều so với phép khứ chiếu.

Maingueneau [7, tr. 172] đưa ra một vài ví dụ để phân biệt hồi chiếu và khứ chiếu:

- Hồi chiếu

- (1) *Les prélèvements* seront effectués aux dates indiquées pour chaque facture. *Ils* n'interviendront qu'après un délai de 20 jours calendaires.

Formulaire de France Télécom, 1997

Ngữ danh từ *Les prélèvements* (Những việc trích tiền) là yếu tố được hồi chiếu và đại từ chủ ngữ *Ils* (Chúng) là hồi chỉ cho trường hợp hồi chiếu này.

- (2) La nuit est déjà fort avancée lorsqu'*une roquette antichar, tirée d'un toit adjacent s'abat sur la foule...* *Cet attentat*, qui a fait deux morts et dix-neuf blessés, a provoqué dans la région nordique une onde de choc.

Le Monde, 3 janvier 1997

Câu *une roquette antichar, tirée d'un toit adjacent s'abat sur la foule* (một tên lửa chống xe tăng được bắn từ mái nhà bên cạnh dội xuống đám đông) là yếu tố được hồi chiếu và ngữ danh từ *Cet attentat* (Vụ khủng bố này) là hồi chỉ nhắc lại sự việc (sở chỉ) của yếu tố được hồi chiếu.

- Khứ chiếu

- (3) Alors qu'*elle* circulait sur la route départementale 920 entre Montreuil et Ailly-sur-Noye, mercredi vers 10 h 30, *Sylvie Lecat*, 27 ans, demeurant à Amiens, a perdu le contrôle de sa voiture.

Le Courrier picard, 29 janvier 1993

Đại từ chủ ngữ *elle* (cô ta) là khứ chỉ **đự báo** sẽ có một biểu thức ngôn ngữ xuất hiện sau. Đó là danh từ tên riêng *Sylvie Lecat*, có vai trò xác định rõ sở chỉ của khứ chỉ đại từ *elle*.

- (4) Je le répète, *ces gens ne portent jamais l'écharpe du fan*.

Đại từ bổ ngữ *le* (điều này) là khứ chỉ thông báo một thông tin sẽ được trình bày. Đó là câu *ces gens ne portent jamais l'écharpe du fan* (những người đó không bao giờ choàng khăn cổ động viên).

2.2. Hồi chiếu lặp (anaphore fidèle) và hồi chiếu thay thế (anaphore infidèle)

Theo Jeandillou [5, tr. 87-88] và Maingueneau [7, tr. 177-178] về phương diện hình thức, phương thức hồi chiếu sử dụng hai phép khác biệt nhau: phép lặp (répétition) và phép thay thế (substitution). Do đó, trong tiếng Pháp có hai loại hồi chiếu: *hồi chiếu lặp* và *hồi chiếu thay thế*.

2.2.1. Hồi chiếu lặp (anaphore fidèle)

Về mặt hình thức ngôn ngữ, hồi chỉ là một ngữ danh từ có danh từ hạt nhân (nom noyau) hoàn toàn giống với yếu tố được hồi chỉ, chỉ khác ở phụ tố chỉ định (déterminant) hoặc lặp lại hoàn toàn đối với trường hợp yếu tố được hồi chỉ là tên riêng (nom propre) như Paul, Paris, Hanoi...

- (5) *Un homme* très âgé entra dans le hall... Peu après, *cet/notre/l'homme* se dirigea vers la sortie.

Yếu tố được hồi chiếu: *un homme* (một người đàn ông) có phụ tố chỉ định là article indéfini (mạo từ bất định); hồi chỉ: *cet/notre/l'homme* (người đàn ông đó/của chúng ta/ấy) với phụ tố chỉ định có thể là adjectif démonstratif (tính từ chỉ định), adjectif possessif (tính từ sở hữu) hoặc là article défini (mạo từ xác định).

2.2.2. Hồi chiếu thay thế (anaphore infidèle)

Về mặt hình thức ngôn ngữ, hồi chỉ hoàn toàn khác so với yếu tố được hồi chỉ. Hình thức phổ biến nhất của hồi chỉ thuộc hồi chiếu thay thế là các loại đại từ và ngữ danh từ. Ngoài ra, cũng phải nêu thêm hồi chỉ động từ, tính từ và trạng từ. Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi chỉ trình bày tóm tắt hồi chiếu thay thế đại từ (anaphore de substitution pronominale) và hồi chiếu thay thế danh từ (anaphore de substitution nominale)

- Hồi chiếu thay thế đại từ

Hồi chiếu đại từ là loại hồi chiếu thay thế trong đó hồi chỉ là một đại từ. Tất cả các loại đại từ có thể giữ chức năng hồi chỉ: đại từ chủ ngữ, đại từ bổ ngữ, đại từ chỉ định, đại từ quan hệ, đại từ sở hữu.

(6) Mon genre adore *les carottes râpées*. Monsieur Alain adore ça.

(Ví dụ của Riegel và cộng sự (1996)) [9, tr. 613]

Hồi chỉ ở đây là đại từ chỉ định *ça* (thứ/món đó) thay thế yếu tố được hồi chiếu *les carottes râpées* (cà-rốt bào).

Tương tự, ở (1), đó là hiện tượng hồi chiếu thay thế đại từ, yếu tố được hồi chiếu *Les prélèvements* được thay bằng hồi chỉ đại từ chủ ngữ *Ils*.

- Hồi chiếu thay thế danh từ

Hồi chiếu thay thế danh từ là loại hồi chiếu trong đó hồi chỉ là một ngữ danh từ khác với yếu tố được hồi chiếu.

Danh từ hồi chỉ thay thế có thể là:

- một từ nghĩa tương đương (terme équivalent) hay từ đồng nghĩa (synonyme) như *le pays* thay cho *la nation*, *les enfants* thay cho *les gamins* ...
- từ chỉ loại/họ hàng, có tính tổng hợp được gọi từ thượng cấp (hyperonyme) như *le véhicule* (xe cộ thay cho *une voiture* (xe ô tô), *le félin* (loài vật họ mèo) thay cho *un chat* (con mèo), *la femme* (phụ nữ) thay cho *une dame* (bà), từ *les enfants* (trẻ em) có thể thay thế cho từ *les élèves* (học sinh)
- từ chỉ bộ phận như *le moteur* (động cơ) là một bộ phận của xe ô tô, có thể giữ chức năng hồi chỉ cho *la voiture* (xe ô tô); *les étudiants* (sinh viên) là một thành tố của một trường học, có thể là hồi chỉ đề cập *à l'université* (trường đại học)...

Trong số hồi chiếu thay thế danh từ có hai loại hồi chiếu đặc biệt: hồi chiếu bộ phận (anaphore associative) và hồi chiếu khái quát hóa/tóm tắt (anaphore conceptuelle/anaphore résumptive).

Hồi chiếu bộ phận

(7) *Ma voiture est trop vieille. Le moteur est fragile.*

Hồi chỉ *Le moteur* (động cơ) là một bộ phận của xe quy chiếu đến yếu tố được hồi chiếu *Ma voiture* (xe tôi) trong mối quan hệ thành phần-tổng thể (relation partie-tout).

(8) *Garmisch est une petite ville bavaroise qui s'étend dans la vallée au pied des premiers sommets alpins. Les façades sont décorées de peintures baroques, les clochers des églises ont des renflements, faussement byzantins, les vieux portent de longues barbes...*

Le Parisien, 21 février 1997 [7, tr. 181]

Cụm từ *une petite ville bavaroise* (một thành phố nhỏ vùng Bayern ở Đức) là yếu tố được hồi chiếu. Hồi chỉ *Les façades, les clochers des églises, les vieux* (Những mặt tiền của các tòa nhà, những tháp chuông nhà thờ, những ông lão) được nêu trong đoạn văn trên là những yếu tố điển hình tạo nên phong cách của một thành phố nhỏ vùng Bayern ở Đức (*une petite ville bavaroise*).

Hồi chiếu khái niệm hóa/tóm tắt

Loại hồi chiếu này liên quan đến việc thay thế, nhắc lại không chỉ một câu mà có thể cả một đoạn văn bản. Vì thế, nó còn được gọi hồi chiếu khái quát hóa hay hồi chiếu tóm tắt.

(9) *Notre chatte est passée sous une voiture. Cet accident a laissé des traces.*

[7, tr. 614]

Cụm từ *Cet accident* (tai nạn này) nhắc lại toàn bộ sự kiện miêu tả ở câu trước (yếu tố được hồi chiếu) *Notre chatte est passée sous une voiture* (Con mèo của bọn tôi đã chạy ngang qua dưới gầm một chiếc xe)

(10) *Pierre a préféré partir avant minuit. Cette décision est regrettable.*

[5, tr. 87]

Tương tự như ở (9), cụm từ *Cette décision* (Quyết định đó) ngắn gọn này giữ chức năng hồi chỉ, có thể nêu lại toàn bộ ý của câu trước (yếu tố được hồi chiếu) *Pierre a préféré partir avant minuit*.

(11) *Sécheresse, canicule, montée des eaux, tempêtes ... les événements climatiques extrêmes pourraient alors devenir la « nouvelle norme climatique ».*

Les dossiers de l'actualité, mai 2015

Cụm từ *les événements climatiques extrêmes* (những hiện tượng khí hậu cực đoan đó) giữ chức năng hồi chỉ để tóm tắt, nêu lại yếu tố được hồi chiếu là toàn bộ chuỗi từ loại chỉ các hậu quả của hiện tượng thay đổi khí hậu *Sécheresse, canicule, montée des eaux, tempêtes...* Ở đây, tác giả bài báo trên thực hiện phép hồi chiếu tóm tắt (anaphore résumptive).

3. CHỨC NĂNG VĂN BẢN CỦA PHÉP HỒI CHIẾU TIẾNG PHÁP

Tổng hợp ý kiến của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Pháp Cortes [4], Lebleu (1985) [6], Maingueneau [7] và Jeandillou [5] chúng tôi nhận thấy phép hồi chiếu trong tiếng Pháp có 3 chức năng sau :

Liên kết văn bản (cohésion textuelle) : Hồi chiếu là công cụ ngôn ngữ góp phần tạo tính liên kết giữa các câu (cohésion interphrastique), liên kết từ vựng (cohésion lexicale), duy trì tính tiếp nối sở chỉ (continuité référentielle) tạo nên liên kết chủ đề (cohésion thématique) thông qua liên kết từ vựng liên quan đến sở chỉ giữ vai trò chủ đề của văn bản (référent protagoniste, thème) như trong các ví dụ (1), (2), (5), (6), (7), (10).

Tiết kiệm ngôn ngữ (économie linguistique): Hồi chiếu là công cụ tính lược, diễn đạt ngắn gọn, tránh lặp lại dài dòng như trong các ví dụ (2), (6), (9), (11).

Phát triển chủ đề (développement thématique) : Hồi chiếu là công cụ để cung cấp thêm thông tin về sở chỉ, đặc biệt sở chỉ giữ vai trò chủ đề chính của văn bản, thông qua các loại hồi chiếu thay thế như trong các ví dụ (1), (5),(7), (8).

Với những chức năng trên, việc nắm vững các phép hồi chiếu có thể giúp người học phát triển 4 kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ Nghe, Nói, Đọc và Viết. Đối với 2 kỹ năng tiếp nhận thông tin- kỹ năng Nghe hiểu và Đọc hiểu, chức năng liên kết văn bản và phát triển chủ đề của phép hồi chiếu giúp người học nắm được tính liên kết giữa các thông tin, hiểu quá trình diễn giải, lập luận để xác định ý chính của người trình bày. Đối với 2 kỹ năng trình bày thông tin- kỹ năng Diễn đạt Nói và Diễn đạt Viết, 3 chức năng văn bản của phép hồi chiếu giúp người học trình bày ý tưởng lô gích, rõ ràng, ngắn gọn và tinh tế.

Để minh họa các chức năng văn bản của phép hồi chiếu, chúng tôi trình bày kết quả khảo sát các hồi chỉ được sử dụng trong 1 trích đoạn của bài báo điện tử giới thiệu du lịch Việt Nam:

UN VOYAGE AU VIETNAM

(1) *Le Vietnam* est une destination exceptionnelle faite de montagnes et de plages magnifiques, de villes dynamiques riches historiquement et culturellement. On y mange mieux que bien et *les habitants* sont d'une rare gentillesse. *Le tout* sous un climat doux et agréable durant la saison sèche ! *Un vrai petit paradis* à découvrir absolument.

(2) *Le Vietnam* se situe à l'extrémité Est de la péninsule indochinoise, aux frontières du Cambodge, du Laos et de la Chine. Longue bande terrestre bordée par la mer, *sa* physionomie n'est pas sans rappeler celle d'un Dragon. Ce qui est plutôt de bonne augure pour *un pays du Sud-est asiatique*.

(3) Autre particularité géographique, *le Vietnam* affiche une grande diversité topographique. *Il* se compose, en effet, de plaines comme de montagnes, de marais comme de littoraux maritimes.

(4) Aussi, *le pays* peut s'enorgueillir de recéler pléthore de sites naturels, plus majestueux les uns que les autres. Les plus réputés demeurent le delta du Mékong et la baie d'Halong. Toutefois, il paraît inconcevable de nier la majesté de la région montagneuse du Nord *du pays* et en particulier *Sapa*, ou *l'île de Phu Quoc*, située au large du *delta du Mékong*, qui s'apparente à un *Vietnam miniature*. De même, *les forêts tropicales* et *les parcs naturels* s'ajoutent aux curiosités à découvrir.

<http://www.linternaute.com/voyage/vietnam>

Trong phần khảo sát hiện tượng hồi chiếu, chúng tôi tập trung nghiên cứu những hồi chỉ của từ chủ đề *Le Vietnam*:

Liên kết văn bản

Ở đoạn (1), chủ đề đoạn này cũng như tất cả đoạn sau là nước Việt Nam. Chủ đề Việt Nam được đề cập ở dạng hồi chỉ đại từ *y* và các hồi chỉ danh từ thay thế *les habitants* (hồi chỉ thay thế bộ phận), *le tout*, *un vrai petit paradis*. Các hồi chỉ tạo được liên kết giữa các câu, duy trì chủ đề. Tương tự, ở các đoạn khác, có nhiều hồi chỉ nhắc đến chủ

để Việt Nam dưới dạng hồi chỉ lặp và đặc biệt hồi chỉ thay thế được sử dụng nhiều như *le pays*, các hồi chỉ thay thế bộ phận *Sapa, île de Phu Quốc, les forêts tropicales et les parcs naturels*.

Tiết kiệm ngôn ngữ

Trong trích đoạn này, chúng ta nhận thấy có các hồi chỉ đại từ *y, il* hay hồi chỉ tính từ sở hữu *sa physionomie* góp phần giản lược các câu văn.

Phát triển chủ đề

Khảo sát trích đoạn của bài báo, chúng ta thấy có khoảng 15 hồi chỉ quy chiếu đến từ chủ đề Việt Nam. Phần lớn các hồi chỉ của nó là thuộc hồi chiếu thay thế. Ngoài chức năng liên kết văn bản và tiết kiệm ngôn ngữ, các hồi chỉ của từ chủ đề, bản thân chúng cung cấp nhiều thông tin thêm về chủ đề Việt Nam, đặc biệt các hồi chỉ danh từ thay thế như *un vrai petit paradis, un pays du Sud-est asiatique* và các hồi chỉ thay thế bộ phận như *Sapa, l'île de Phu Quốc, les forêts tropicales et les parcs naturels, le delta du Mékong*.

Vì vậy, nhận biết và thu thập thông tin từ các hồi chỉ của chủ đề Việt Nam giúp nắm được các thông tin chính yếu, quan trọng của văn bản.

4. NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ VIỆC HỌC PHÉP HỒI CHIẾU

4.1. Tình hình dạy học phép hồi chiếu tiếng Pháp ở Khoa tiếng Pháp-Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

Hiện nay, Khoa tiếng Pháp - Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế sử dụng bộ giáo trình *Le Nouveau Taxi* để giảng dạy các môn Thực hành tiếng cho sinh viên chuyên ngữ và sinh viên không chuyên ngữ. Trong nội dung học của bộ giáo trình, phép hồi chiếu được giới thiệu chủ yếu ở dạng phép hồi chiếu thay thế đại từ. Phép hồi chiếu thay thế danh từ hầu như không được trình bày nhiều do có nhiều nội dung ngữ pháp khác cần phải học. Ở giáo trình *Le Nouveau Taxi 2*, phép hồi chiếu thay thế danh từ được đưa vào trong 1 bài tập ở bài học 6 (Leçon 6), nhưng đó không phải là nội dung ngữ pháp chính của bài học này. Phần Grammaire (ngữ pháp) của bài học là các đại từ quan hệ và đại từ chỉ định. Ở giáo trình *Le nouveau taxi 3*, ở bài học 22 (Leçon 22) phần Grammaire trình bày phép thay thế danh từ và có các bài tập liên quan nội dung này. Như vậy, một cách khái quát, phép hồi chiếu chưa được trình bày kỹ và sinh viên ít làm các bài tập sử dụng phép hồi chiếu có thể ứng dụng vào việc phát triển các kỹ năng giao tiếp.

Tuy nhiên, bắt đầu năm học 2013-2014, Khoa tiếng Pháp đã đưa học phần Ngữ pháp văn bản (Grammaire de texte) với thời lượng 30 tiết (2 tín chỉ) vào giảng dạy cho sinh viên tiếng Pháp ở học kỳ 4. Phần phép hồi chiếu là nội dung trọng tâm của học phần này, thời lượng dành cho nội dung này chiếm khoảng 15 tiết (50% thời lượng của học phần). Sinh viên được dạy các loại hồi chiếu, chức năng của nó và làm bài tập nhận dạng, phân tích hồi chiếu trong các văn bản báo chí và làm bài tập sử dụng các loại hồi chiếu để hoàn thành văn bản chưa hoàn thiện. Đây là học phần mới cần phải điều chỉnh thường xuyên trong thời gian đầu về nội dung chương trình, tài liệu bài giảng và phương pháp dạy học Ngữ pháp văn bản (Tác giả bài viết hiện đảm nhận dạy học phần

này). Vì vậy, chúng tôi có làm phiếu thăm dò ý kiến sinh viên vào cuối học phần về đánh giá nội dung chương trình giảng dạy, nhận thức của sinh viên về các nội dung học trong đó có phần học các phép hồi chiếu. Chúng tôi đã thăm dò ý kiến của sinh viên khóa 10 và 11 đã theo học học phần Ngữ pháp văn bản.

4.2. Kết quả thăm dò ý kiến sinh viên về việc học phép hồi chiếu

4.2.1. Đối tượng thăm dò

Chúng tôi đã thực hiện thăm dò 2 lớp Ngữ pháp văn bản (NPVB) khóa 10 (K10) và khóa 11 (K11). Lớp NPVB của K10 vào học kỳ 2 năm học 2014-2015 có 41 sinh viên đăng ký học, số phiếu thăm dò thu được 29 phiếu. Lớp NPVB của K11 vào học kỳ 2 năm học 2015-2016 có 21 sinh viên đăng ký học, số phiếu thăm dò thu được 15.

4.2.2. Nội dung thăm dò

Phiếu thăm dò cho 2 lớp không hoàn toàn giống nhau do phiếu thăm dò ở lớp NPVB của K11 có 1 số câu hỏi chi tiết hơn phù hợp với một vài điều chỉnh về nội dung trong chương trình giảng dạy học phần NPVB (xem phụ lục). Liên quan đến câu hỏi thăm dò việc học phép hồi chiếu của sinh viên tiếng Pháp, 2 phiếu câu hỏi có những câu hỏi tương tự như về sự ham thích học phép hồi chiếu, đánh giá nhận thức của sinh viên về sự cần thiết học phép hồi chiếu đối với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp và về khả năng hiểu lý thuyết phép hồi chiếu.

4.2.3. Kết quả thăm dò

Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi nêu kết quả thông tin thu thập được từ phần trả lời các câu hỏi chung cho 2 lớp khác nhau.

Về sự ham thích học phép hồi chiếu tiếng Pháp

Nhìn chung các hai lớp đều thích học các loại hồi chiếu. Tuy vậy, tỷ lệ sinh viên thích học hồi chiếu ở lớp K11 cao hơn nhiều so với tỷ lệ ở lớp K10, 58,6% ở lớp K10 so với 100% ở lớp K11. Sự khác biệt lớn này xuất phát từ 2 yếu tố: một mặt, lớp K10 có nhiều sinh viên yếu hơn lớp K11, khả năng hiểu phép hồi chiếu kém hơn lớp K11, mặt khác bản thân tác giả bài viết là giảng viên đảm nhiệm dạy học phần này có thay đổi phương pháp giảng dạy dựa trên đóng góp ý kiến của sinh viên lớp K10 bằng việc cung cấp nhiều bài tập hơn, giảm bớt thời lượng học lý thuyết.

Về nhận thức sự cần thiết học phép hồi chiếu đối với việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp

Đại đa số sinh viên ở hai lớp đều nhận thấy sự cần thiết của việc học phép hồi chiếu đối với việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (93,1% ở lớp K10 và 93,4% ở lớp K11). Xét sự cần thiết đối với từng kỹ năng giao tiếp, theo ý kiến sinh viên phép hồi chiếu cần thiết cho việc phát triển kỹ năng Đọc và Viết nhất, tỷ lệ trung bình của hai lớp chọn 2 kỹ năng này là khoảng 95%. Bên cạnh đó, phép hồi chiếu cũng cần thiết để phát triển kỹ năng Nói (90%) và kỹ năng Nghe (83%).

VỀ KHẢ NĂNG HIỂU LÝ THUYẾT PHÉP HỒI CHIẾU TRONG HỌC PHẦN NPVB

Nội dung lý thuyết về phép hồi chiếu trong bài giảng của học phần nhìn chung là khó hiểu đối với trình độ thực tế của sinh viên. Hầu hết sinh viên K10 (92%) nhận thấy lý thuyết phép hồi chiếu khó hiểu trong khi phần lớn sinh viên K11 (80%) cũng nhận thấy như vậy. Sinh viên giải thích tình trạng này là do các tài liệu đọc trong bài giảng có nhiều thuật ngữ khó hiểu đối với trình độ của họ.

4.2. Thảo luận

Qua kết quả thăm dò, chúng tôi nhận thấy việc đưa phép hồi chiếu vào trong học phần NPVB là hợp lý và chính đáng. Hầu hết sinh viên nhận thức sự cần thiết học phép hồi chiếu đối với rèn luyện 4 kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, sinh viên còn gặp nhiều khó khăn để lĩnh hội lý thuyết phép hồi chiếu do trình độ sinh viên còn thấp, tài liệu tham khảo viết bằng tiếng Pháp có nhiều thuật ngữ khó, bài giảng học phần không có tài liệu tham khảo tiếng Việt. Như vậy cần phải chọn tài liệu đơn giản hơn, có nhiều ví dụ minh họa dễ hiểu hơn. Theo ý kiến nhiều sinh viên tham gia thăm dò, người dạy phải đưa nhiều bài tập thực hành để sinh viên hiểu bài hơn, nắm vững lý thuyết phép hồi chiếu hơn, nâng cao khả năng sử dụng hồi chiếu trong khi thực hành giao tiếp.

5. KẾT LUẬN

Phép hồi chiếu trong tiếng Pháp có những đặc điểm chung về hình thức và chức năng văn bản như ở bất kỳ ngôn ngữ nào. Về hình thức, hồi chiếu thay thế tiếng Pháp rất đa dạng, đặc biệt hồi chiếu đại từ và hồi chiếu danh từ. Nhờ vậy, hồi chiếu tiếng Pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính kế tiếp nội dung chủ đề và phát triển chủ đề của văn bản viết cũng như văn bản nói. Về phong cách học, phép hồi chiếu là công cụ hiệu quả và linh hoạt để diễn đạt ngắn gọn, súc tích và tinh tế. Do đó, kiến thức và khả năng sử dụng thành thạo phép hồi chiếu tiếng Pháp là thành tố không thể thiếu để hình thành năng lực diễn ngôn (compétence discursive) trong giao tiếp tiếng Pháp. Qua khảo sát văn bản và thăm dò ý kiến sinh viên, việc học hồi chiếu là cần thiết đối với sinh viên tiếng Pháp để phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp. Về phương pháp giảng dạy, cần thiết kế, biên soạn bài giảng, giáo trình phù hợp với trình độ sinh viên, phân lý thuyết trình bày đơn giản hơn, ngắn gọn hơn, có phần giải thích bằng tiếng Việt các thuật ngữ tiếng Pháp. Ngoài ra, cần tăng thời lượng thực hành để sinh viên hiểu lý thuyết và sử dụng thành thạo các phương thức hồi chiếu tiếng Pháp trong khi thực hành giao tiếp bằng tiếng Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Adam, J.M. (1976). *Linguistique et discours littéraire. Théorie et pratiques des textes*, Larousse- Université, Paris.
- [2] Charolles, M. (1978). "Introduction aux problèmes de la cohérence des textes", *Langue française* n° 38, 7-43.
- [3] Combettes, B. (1988). *Pour une grammaire textuelle, la progression thématique*, de Boeck- Duculot, Paris-Gembloux.

- [4] Cortes, J. (1985). "La grande traque des valeurs textuelles. Quelques principes liminaires pour comprendre la GT", *Le français dans le monde* n°192, Hachette, 28-34.
- [5] Jeandillou, J.-F. (1997). *L'analyse textuelle*, Armand Colin, Paris.
- [6] Lebleu, P. (1985). " Il est passé par ici, il repassera par là", *Le français dans le monde* n°192, Hachette, 44-48.
- [7] Maingueneau, D. (1998). *Analyser les textes de communication*, Nathan, Paris.
- [8] Moirand, S. (1990). *Une grammaire des textes et des dialogues*, Hachette, Paris.
- [9] Riegel, M. và cộng sự (1996). *Grammaire méthodique du Français*, PUF.
- [10] Giáo trình tiếng Pháp Le Nouveau taxi 2 và 3 (2010), Hachette.

Title: THE USE OF ANAPHORA IN DEVELOPING COMMUNICATION SKILLS IN FRENCH

Abstract: Co-reference is an indispensable and popular linguistic behaviour in the construction of a cohesive text in any given language; anaphora is a typical device in this behavior. This paper presents the basic characteristics and textual functions of different forms of anaphora in French through specific examples, surveys and analysis of such forms in a tourism article. The paper focuses on the probability of applying the knowledge of anaphora in the practice of linguistic communication skills in French. Furthermore, it presents the results of a survey on students' perceptions towards and their needs for studying anaphora at the Department of French, Hue University College of Foreign Languages.

Keywords: anaphora, textual cohesion, theme development, linguistic communication skills